

**ICON 10 CS**

Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393 Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó

**1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP**

Tên sản phẩm : ICON 10 CS

Mã thiết kế : A12690A

**Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)**

Công ty : Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

Địa chỉ : Số 16, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình,  
Thành phố Biên Hòa  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

Điện thoại : +84-251-8826026

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +(028)37756288

Telefax : +84-251-8826016

**Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng**

Mục đích sử dụng : Thuốc diệt côn trùng

**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Độc cấp tính (Hít phải) : Cấp 4

Nhạy cảm với da : Cấp 1

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

**Các yếu tố nhãn theo GHS**

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm : H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.  
H332 Có hại nếu hít phải.  
H410 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

## ICON 10 CS

Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393 Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó

Các lưu ý phòng ngừa

:

### Biện pháp phòng ngừa:

P261 Tránh hít phải hơi sương hoặc hơi.  
 P271 Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông thoáng tốt.  
 P272 Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.  
 P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.  
 P280 Đeo găng tay bảo hộ.

### Biện pháp ứng phó:

P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.  
 P304 + P340 + P312 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.  
 P333 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da hoặc nổi mẩn: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.  
 P362 + P364 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc và giặt sạch trước khi sử dụng.  
 P391 Thu hồi chất tràn đổ.

### Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

### Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Có thể gây ngứa tạm thời, ngứa ran, bỏng hay tê trên vùng da bị phơi nhiễm, được gọi là sự dị cảm - paresthesia

## 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

### Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
lambda-cyhalothrin	91465-08-6	>= 7 -< 10
Hydrocarbons, C9, Aromatics	128601-23-0	>= 7 -< 10
orthophosphoric acid	7664-38-2	>= 1 -< 1,5
alcohols, C12-15,ethoxylated	68131-39-5	>= 0,25 -< 0,5
ammonium hydroxide	1336-21-6	>= 0,25 -< 0,5
1,2-benzisothiazol-3(2H)-one	2634-33-5	>= 0,1 -< 0,25

## 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Có cầm theo chai/bao thuốc, nhãn hoặc phiếu thông tin an toàn khi gọi điện số khẩn cấp, trung tâm kiểm soát độc chất hoặc chuyên gia y tế, hay đang tiến hành cứu chữa

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Đưa nạn nhân ra chỗ không khí trong lành. Nếu thấy thở ngắt quãng hoặc ngừng thở, hãy tiến hành hô

**ICON 10 CS**

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da :

  - hấp nhân tạo.
  - Giữ ấm và để bệnh nhân nghỉ ngơi.
  - Gọi bác sĩ hoặc trung tâm chống độc ngay lập tức.
  - Ngay lập tức cởi bỏ quần áo bị nhiễm.
  - Ngay lập tức rửa sạch bằng thật nhiều nước.
  - Liên hệ với bác sĩ nếu hiện tượng kích ứng da kéo dài.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt :

  - Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng.
  - Ngay lập tức rửa bằng thật nhiều nước, và cả các mí mắt, trong ít nhất 15 phút.
  - Gỡ bỏ kính áp tròng.
  - Phải nhanh chóng tìm sự chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa :

  - Nếu nuốt phải, ngay lập tức phải xin ý kiến của thầy thuốc và đưa thiết bị chứa đựng hoặc nhãn của nó cho thầy thuốc xem. **KHÔNG ĐƯỢC** gây nôn.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này :

  - Hít phải có thể gây ra viêm hoặc phù phổi.
  - Triệu chứng dị ứng ngoài da (ngứa, râm ran, rát hoặc tê) chỉ là tạm thời, trong vòng 24 giờ.
- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị :

  - Không được gây nôn: có chứa các sản phẩm chưng cất dầu và/hoặc dung môi thơm.
  - Điều trị theo triệu chứng.

**5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN**

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp :

  - Phương tiện chữa cháy - Các đám cháy nhỏ
  - Dùng bụi nước, bột chịu cồn, hóa chất khô hoặc cacbon dioxit.
  - Phương tiện chữa cháy-Các đám cháy lớn
  - Bột chịu cồn.
  - hoặc
  - Bụi nước
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp :

  - Không sử dụng dòng nước liên tục bởi vì có thể làm lan rộng đám cháy.
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy :

  - Vì sản phẩm có chứa các thành phần hữu cơ dễ cháy, nếu đốt sẽ phát sinh khói đen dày đặc có chứa các sản phẩm cháy nguy hại (xem phần 10).
  - Tiếp xúc với các sản phẩm phân hủy có thể là một nguy cơ đối với sức khỏe.
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể :

  - Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
  - Làm mát các bình chứa kín trong vụ cháy bằng bụi nước.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa :

  - Mặc quần áo bảo hộ đầy đủ và mặt nạ dưỡng khí.

**6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ**

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố :

  - Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.
- Các cảnh báo về môi trường :

  - Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn.
  - Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.
  - Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.

## ICON 10 CS

Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23  
 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393  
 Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Kiểm chế chất tràn đổ, sau đó thu gom bằng vật liệu thấm không cháy (e.g. cát, đất, đất diatomit, chất khoáng) và giữ trong thùng chứa để tiêu hủy theo quy định nhà nước/địa phương (xem phần 13).  
 Lau rửa thật kỹ bề mặt bị nhiễm bẩn.  
 Lau rửa bằng các chất tẩy rửa. Tránh dùng dung môi.  
 Giữ lại và tiêu hủy nước rửa bị nhiễm bẩn.

### 7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Không có các yêu cầu đặc biệt bắt buộc để đề phòng hoá hoạn.  
 Tránh tiếp xúc với da và mắt.  
 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng.  
 Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Không bắt buộc có điều kiện lưu giữ đặc biệt.  
 Đóng kín các bình chứa và để tại nơi khô ráo, mát mẻ và thông gió tốt.  
 Để xa tầm tay trẻ em.  
 Để xa thức ăn, đồ uống và thức ăn gia súc.

Thêm thông tin về độ ổn định : Ổn định về mặt vật lý và hóa học trong ít nhất 2 năm khi được lưu trữ trong thùng chứa chưa mở từ lúc mua tại nhiệt độ môi trường xung quanh.

### 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

#### Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
lambda-cyhalothrin	91465-08-6	TWA	0,04 mg/m <sup>3</sup> (Da)	Syngenta
Hydrocarbons, C9, Aromatics	128601-23-0	TWA	19 ppm 100 mg/m <sup>3</sup>	Nhà cung cấp
orthophosphoric acid	7664-38-2	TWA	1 mg/m <sup>3</sup>	VN OEL
		STEL	3 mg/m <sup>3</sup>	VN OEL
		TWA	1 mg/m <sup>3</sup>	ACGIH
		STEL	3 mg/m <sup>3</sup>	ACGIH
ammonium hydroxide	1336-21-6	TWA	25 ppm (Amoniac)	ACGIH
		STEL	35 ppm (Amoniac)	ACGIH

**Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp** : Cô lập và / hoặc cách ly là biện pháp bảo vệ kỹ thuật đáng tin cậy nhất nếu không thể loại bỏ sự phơi nhiễm.

Mức độ của các biện pháp bảo vệ phụ thuộc vào mức độ rủi ro thực tế khi sử dụng.

Giữ nồng độ không khí thấp hơn tiêu chuẩn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Khi cần thiết, hãy tìm tư vấn thêm về vệ sinh lao động.

## ICON 10 CS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

### Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp	: Khi công nhân làm việc trong điều kiện nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì họ phải đeo mặt nạ phòng độc đủ tiêu chuẩn. Thiết bị hô hấp thích hợp: Mặt nạ có mạng che nửa mặt. Loại bộ lọc cho mặt nạ phải phù hợp với nồng độ ô nhiễm tối đa (khí/hơi/aerosol/hạt) có thể xuất hiện khi thao tác với sản phẩm. Nếu vượt quá nồng độ này phải dùng bộ dụng cụ thở cá nhân..
Bảo vệ tay	
Vật liệu	: Cao su nitrile
Thời gian thấm	: > 480 min
Độ dày của găng	: 0,5 mm
Ghi chú	: Đeo găng tay bảo hộ. Việc lựa chọn găng tay thích hợp không chỉ phụ thuộc vào vật liệu mà còn vào các đặc trưng chất lượng khác cũng như khác biệt giữa các nhà sản xuất. Xem các hướng dẫn về tính thấm và thời gian thấm do nhà cung cấp găng tay đưa ra. Cũng cần xem xét các điều kiện sử dụng sản phẩm như nguy cơ bị cắt, mài mòn, và thời gian tiếp xúc. Thời gian hỏng trên hết phụ thuộc vào chất liệu, độ dày và loại găng tay và do đó phải được đo trong từng trường hợp. Cần loại bỏ và thay thế găng tay nếu thấy bất kỳ dấu hiệu xuống cấp hoặc thủng nào.
Bảo vệ mắt	: Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.
Bảo vệ da và cơ thể	: Chọn đồ bảo hộ theo loại, nồng độ và lượng các chất nguy hiểm theo từng nơi làm việc cụ thể. Cởi và rửa quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Mặc khi thích hợp: Quần áo không thấm.
Các biện pháp bảo vệ	: Việc sử dụng biện pháp kỹ thuật nên luôn được ưu tiên hơn là sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân

Khi lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân, hãy tìm sự tư vấn chuyên môn phù hợp.

### 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: thể lỏng
Màu sắc	: màu trắng tới màu nâu nhạt
Mùi đặc trưng	: Mùi thơm, giống dung môi
Ngưỡng mùi	: chưa có dữ liệu
Độ pH	: 4 - 8 Nồng độ: 1 %w/v
Điểm/khoảng nóng chảy	: chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi	: chưa có dữ liệu

**ICON 10 CS**

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

Điểm cháy	:	Phương pháp: Cốc kín Pensky-Martens không chớp cháy
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Mật độ	:	1,047 g/cm <sup>3</sup>
Độ hòa tan	:	
Độ hòa tan trong nước	:	có thể pha trộn hoàn toàn
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	635 °C
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt	:	
Độ nhớt, động lực	:	79,5 - 448 mPa.s ( 20 °C) 58,1 - 334 mPa.s ( 40 °C)
Độ nhớt, động học	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ
Đặc tính ôxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.
Kích thước hạt	:	chưa có dữ liệu

**10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT**

Khả năng phản ứng	:	Không dễ dự đoán.
Tính ổn định	:	Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Phản ứng nguy hiểm	:	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Các điều kiện cần tránh	:	Không phân hủy nếu được sử dụng như chỉ dẫn.
Vật liệu không tương thích	:	Được biết là chưa xảy ra.
Phản ứng phân hủy và các	:	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

## ICON 10 CS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

sản phẩm độc của phản ứng  
phân hủy

### 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Đường tiếp xúc : Nuốt phải  
Hít phải  
Tiếp xúc với da  
Tiếp xúc với mắt

#### Độc cấp tính

##### Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, Đực và cái): > 5.000 mg/kg  
Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): > 4,62 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 4 h  
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương  
Đánh giá: Thành phần/hỗn hợp có độ độc hại vừa sau khi hít phải trong thời gian ngắn., Chất/hỗn hợp không có độc tính đối với đường hô hấp như được xác định trong quy định về các mặt hàng nguy hiểm  
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột, Đực và cái): > 4.000 mg/kg  
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính qua da

##### Thành phần:

##### **lambda-cyhalothrin:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, con cái): 56 mg/kg  
Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): 0,06 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 4 h  
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương

Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột, con đực): 632 mg/kg

##### **Hydrocarbons, C9, Aromatics:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, con cái): 3.492 mg/kg

##### **orthophosphoric acid:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): 301 mg/kg  
Độc tính cấp qua da : LD50 (Thỏ): 2.750 mg/kg

##### **alcohols, C12-15,ethoxylated:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): 2.500 mg/kg

##### **1,2-benzisothiazol-3(2H)-one:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, con đực): 670 mg/kg

## ICON 10 CS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

miệng  
Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột, Đực và cái): > 2.000 mg/kg  
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính qua da

### Ăn mòn/kích ứng da

#### Sản phẩm:

Loài : Thỏ  
Kết quả : Không gây kích ứng da

#### Thành phần:

##### lambda-cyhalothrin:

Loài : Thỏ  
Kết quả : Không gây kích ứng da

##### Hydrocarbons, C9, Aromatics:

Kết quả : Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể làm khô hoặc rạn da.

Loài : Thỏ  
Kết quả : Kích ứng da nhẹ

##### orthophosphoric acid:

Kết quả : Gây ăn mòn sau khi tiếp xúc từ 3 phút đến 1 giờ

##### ammonium hydroxide:

Kết quả : Gây ăn mòn sau khi tiếp xúc từ 3 phút đến 1 giờ

##### 1,2-benzisothiazol-3(2H)-one:

Loài : Thỏ  
Kết quả : Kích ứng da nhẹ

### Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

#### Sản phẩm:

Loài : Thỏ  
Kết quả : Không gây kích ứng mắt

#### Thành phần:

##### lambda-cyhalothrin:

Loài : Thỏ  
Kết quả : Không gây kích ứng mắt

##### alcohols, C12-15,ethoxylated:

Loài : Thỏ  
Kết quả : Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

## ICON 10 CS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

### 1,2-benzisothiazol-3(2H)-one:

Loài : Thỏ  
Kết quả : Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

### Kích thích hô hấp hoặc da

#### Sản phẩm:

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm cực đại  
Loài : Chuột lang  
Kết quả : Không gây mẫn cảm đối với động vật thí nghiệm.  
: Con người  
: Khả năng hoặc kết quả về đặc tính gây kích ứng da ở người

#### Thành phần:

##### lambda-cyhalothrin:

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm cực đại  
Loài : Chuột lang  
Kết quả : Không gây kích ứng da.

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)  
Loài : Chuột nhắt  
Kết quả : Không gây kích ứng da.

### 1,2-benzisothiazol-3(2H)-one:

Kết quả : Khả năng hoặc kết quả về đặc tính gây kích ứng da ở người

### Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

#### Thành phần:

##### lambda-cyhalothrin:

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen) - Đánh giá : Thử nghiệm trên động vật không cho thấy ảnh hưởng gây đột biến nào.

##### orthophosphoric acid:

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen) - Đánh giá : Các thử nghiệm trong ống nghiệm không cho thấy các tác nhân gây đột biến.

### 1,2-benzisothiazol-3(2H)-one:

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen) - Đánh giá : Trọng số bằng chứng không đủ khẳng định xếp loại là biến đổi tế bào mầm.

**ICON 10 CS**

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

**Tác nhân gây ung thư****Thành phần:****lambda-cyhalothrin:**

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này là một chất gây ung thư

**Độc tính sinh sản****Thành phần:****lambda-cyhalothrin:**

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này có độc tính sinh sản

**orthophosphoric acid:**

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Không có độc tính với sinh sản

**STOT - Tiếp xúc một lần****Thành phần:****lambda-cyhalothrin:**

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.

**Hydrocarbons, C9, Aromatics:**

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ, hạng 3, gây òr ðẫn. Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ, hạng 3, kích ứng đường hô hấp.

**ammonium hydroxide:**

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ, hạng 3, kích ứng đường hô hấp.

**STOT - Tiếp xúc lặp lại****Thành phần:****lambda-cyhalothrin:**

Đánh giá : Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần.

## ICON 10 CS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

### Độc tính hô hấp

#### Thành phần:

##### Hydrocarbons, C9, Aromatics:

Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.

### Thông tin khác

#### Sản phẩm:

Ghi chú : Có thể gây ngứa tạm thời, ngứa ran, bỏng hay tê trên vùng da bị phơi nhiễm, được gọi là sự dị cảm - paresthesia

#### Thành phần:

##### lambda-cyhalothrin:

Ghi chú : Có thể gây ngứa tạm thời, ngứa ran, bỏng hay tê trên vùng da bị phơi nhiễm, được gọi là sự dị cảm - paresthesia

## 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

### Độc môi trường

#### Thành phần:

##### lambda-cyhalothrin:

Độc đối với cá	:	LC50 (Leuciscus idus (orfe vàng)): 0,000078 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h
		LC50 (Ictalurus punctatus (cá trê sông)): 0,00016 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	:	EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,00036 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h
		LC50 (Americamysis (Tôm nước lợ Americamysis)): 0,000007 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h
		EC50 (Hyalella azteca (Giáp Xác Chân Hai Loại)): 0,000002 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước	:	ErC50 (Raphidocelis subcapitata (tảo xanh nước ngọt)): > 0,31 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh)	:	100.000
Độc đối với cá (Tính độc mãn tính)	:	NOEC (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): 0,000031 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 300 d

## ICON 10 CS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,000002 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 21 d

NOEC (Americamysis (Tôm nước lợ Americamysis)): 0,00022 µg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 28 d

Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh) : 100.000

Độc tính đối với các vi sinh vật : EC50 (Than hoạt tính): > 100 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 3 h

### Hydrocarbons, C9, Aromatics:

Độc đối với cá : LL50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 9,2 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EL50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 3,2 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 48 h

Độc tính đối với tảo/ thực vật dưới nước : ErC50 (Raphidocelis subcapitata (tảo xanh nước ngọt)): 2,9 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 72 h

NOELR (Raphidocelis subcapitata (tảo xanh nước ngọt)): 1,0 mg/l  
Điểm kết thúc: Tỷ lệ tăng trưởng  
Thời gian phơi nhiễm: 72 h

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : NOELR (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 1,228 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 28 d

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOELR (Daphnia magna (Bọ nước)): 2,144 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 21 d

### Đánh giá độc tố sinh thái học

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

### orthophosphoric acid:

Độc đối với cá : LC50 (Lepomis macrochirus (Cá thái dương bluegill)): 3 - 3,25 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

### Đánh giá độc tố sinh thái học

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Chưa có ảnh hưởng về mặt độc tố sinh thái nào của sản phẩm này được phát hiện.

### alcohols, C12-15,ethoxylated:

Độc đối với cá : LC50 (Lepomis macrochirus (Cá thái dương bluegill)): 1 - 10

## ICON 10 CS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

mg/l

Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 1 mg/l  
và các động vật không  
xương sống thủy sinh khác  
Thời gian phơi nhiễm: 48 h

### ammonium hydroxide:

#### Đánh giá độc tố sinh thái học

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

#### 1,2-benzisothiazol-3(2H)-one:

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 2,18 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 2,94 mg/l  
và các động vật không  
xương sống thủy sinh khác  
Thời gian phơi nhiễm: 48 h

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : ErC50 (Raphidocelis subcapitata (tảo xanh nước ngọt)): 0,15 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 72 h

EC10 (Raphidocelis subcapitata (tảo xanh nước ngọt)): 0,04 mg/l

Điểm kết thúc: Tỷ lệ tăng trưởng

Thời gian phơi nhiễm: 72 h

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : NOEC (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 0,3 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 28 d

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC (Daphnia (Rận nước Daphnia)): 1,7 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 21 d

#### Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

##### Thành phần:

#### lambda-cyhalothrin:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.

Ổn định trong nước : Chu kỳ bán rã của việc phân hủy (DT50 (Chu kỳ bán rã)): 7 d  
Ghi chú: Sản phẩm này không bền.

#### Hydrocarbons, C9, Aromatics:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Dễ phân hủy sinh học.

#### alcohols, C12-15,ethoxylated:

## ICON 10 CS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Dễ phân hủy sinh học.  
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

### 1,2-benzisothiazol-3(2H)-one:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Phân hủy nhanh chóng

### Khả năng tích lũy sinh học

#### Thành phần:

#### lambda-cyhalothrin:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: tích lũy sinh học

#### 1,2-benzisothiazol-3(2H)-one:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Không tích tụ sinh học

### Độ linh động trong đất

#### Thành phần:

#### lambda-cyhalothrin:

Phân bố trong các môi trường khác nhau : Ghi chú: bất động  
Ổn định trong đất : Thời gian tan rã: 56 d  
Tỷ lệ phần trăm tan rã: 50 % (DT50 (Chu kỳ bán rã))  
Ghi chú: Sản phẩm này không bền.

### Các tác hại khác

#### Thành phần:

#### lambda-cyhalothrin:

Kết quả đánh giá PBT và vPvB : Chất này không được coi là khó phân hủy, có khả năng tích tụ sinh học và độc hại (PBT) Chất này không được xem là rất khó phân hủy hoặc có khả năng tích tụ sinh học cao (vPvB).

#### orthophosphoric acid:

Kết quả đánh giá PBT và vPvB : Chất này không được coi là khó phân hủy, có khả năng tích tụ sinh học và độc hại (PBT) Chất này không được xem là rất khó phân hủy hoặc có khả năng tích tụ sinh học cao (vPvB).

#### 1,2-benzisothiazol-3(2H)-one:

Kết quả đánh giá PBT và vPvB : Chất này không được coi là khó phân hủy, có khả năng tích tụ sinh học và độc hại (PBT) Chất này không được xem là rất khó phân hủy hoặc có khả năng tích tụ sinh học cao (vPvB).

## 13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

### Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ

## ICON 10 CS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

Bao bì nhiễm độc	: : thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải Trong trường hợp có thể, việc tái chế được ưu tiên hơn so với việc loại bỏ hoặc thiêu đốt. Nếu việc tái chế là không khả thi, hãy thải loại phù hợp với các quy định địa phương. Loại bỏ các thành phần còn lại. Rửa thùng chứa ba lần. Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.
------------------	---

### 14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

#### Quy định Quốc tế

##### UNRTDG

Số hiệu UN	: UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp	: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (LAMBDA-CYHALOTHRIN)
Hạng	: 9
Nhóm hàng	: III
Nhãn	: 9

##### IATA-DGR

Số UN/ID	: UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp	: Environmentally hazardous substance, liquid, n.o.s. (LAMBDA-CYHALOTHRIN)
Hạng	: 9
Nhóm hàng	: III
Nhãn	: Miscellaneous
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	: 964
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	: 964
Nguy hại với môi trường	: có

##### Mã IMDG

Số hiệu UN	: UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp	: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (LAMBDA-CYHALOTHRIN)
Hạng	: 9
Nhóm hàng	: III
Nhãn	: 9
Mã EmS	: F-A, S-F
Chất ô nhiễm đại dương	: có

**Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC**  
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

#### Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất.

## ICON 10 CS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

### 15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

#### Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

### 16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 2023/05/23  
gần nhất  
Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

#### Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ACGIH	: Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
Syngenta	: Syngenta Các giới hạn tiếp xúc trong nghề nghiệp
VN OEL	: Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc
ACGIH / TWA	: 8 giờ, trung bình tính theo thời gian
ACGIH / STEL	: giới hạn tiếp xúc trong thời gian ngắn
Syngenta / TWA	: Trung bình về thời gian
VN OEL / TWA	: Trung bình về thời gian
VN OEL / STEL	: Từng lần tối đa

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan;

**ICON 10 CS**

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S166495393	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

VN / VI